

Name:

Date: .../.../20...

Class: S9

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài:

Ngày HS nộp bài:



Vocabulary:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 9 – UNIT 1: VIEWS AND VOICES

VOCABULARY 1

***Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1.	interrupt (v)	ngắt lời, làm gián đoạn	11.	creativity (n)	sự sáng tạo
2.	compare (v)	so sánh	12.	problem-solving (n)	giải quyết vấn đề
3.	distract (v)	làm sao nhãng, rối trí	13.	self-analysis (n)	sự lý giải bản thân
4.	be supposed to (be/do something)	có tiếng là, có bổn phận làm gì	14.	social flexibility (n)	sự linh hoạt xã hội
5.	concentrate on = focus on (phr.v)	tập trung vào	15.	sensible (a)	nhạy cảm
6.	tell someone off (phr.v)	khiến trách, mắng mỏ ai đó	16.	brain scan (n)	chụp cắt não
7.	get in trouble for	gặp rắc rối vì	17.	stereotype (n)	khuôn mẫu, định kiến
8.	don't mind	không sao, không bận tâm	18.	terrified (a)	hoảng sợ
9.	ambition (n)	khát vọng, hoài bão	19.	evidence (n)	bằng chứng
10.	communication (n)	giao tiếp	20.	risk assessment (n)	đánh giá rủi ro

* **Note:** n = noun: danh từ; a = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

* Con thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	brilliant (a)	rất thông minh, có tài	6	syndicate (n)	công đoàn, nghiệp đoàn
2	take out (phr.v)	lấy ra, đưa ra ngoài	7	precious (a)	quý, quý giá
3	funeral (n)	lễ tang	8	jackpot (n)	giải độc đắc
4	be fed up (a)	mệt mỏi, chán ngấy	9	come in handy (phr.v)	hữu ích, tiện lợi trong một tình huống cụ thể
5	silly (a)	ngờ nghệch, ngớ ngẩn	10	cheer up (phr.v)	phấn khởi lên, vui lên

* **Note:** n = noun: danh từ; a = adjective : tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

* Con thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

B. HOMEWORK

I. Match the words in column A with their definitions in column B.

A	B	Answer
0. creativity	a. evaluating potential risks and determining how to manage or minimize them	0 - b
1. problem-solving	b. the use of skill and imagination to produce something new or to produce art	1 -
2. evidence	c. the process of identifying and finding solutions to challenges or issues	2 -
3. risk assessment	d. the facts, signs or objects that make you believe that something is true	3 -
4. social flexibility	e. a <i>non-invasive</i> (không xâm lấn) medical imaging technique that allows <i>visualization</i> (hình dung, tưởng tượng) of the structure or activity of the brain	4 -
5. brain scan	f. the ability to adapt and interact effectively in various social environments and with diverse groups of people	5 -

II. Fill in the blank with one of the words from the box (one word may not be used). Make changes where necessary.

be supposed to	sensible	compare	communication	distract	get in trouble	creativity
----------------	----------	--------------------	---------------	----------	----------------	------------

0. Let's compare the prices of these two products before making a decision.

1. What happened to Marry? I've just seen her and she seemed sad. – Oh, this morning, she _____ for not completing her homework on time.

2. I didn't do much last night. The loud music from next door _____ me from studying for my exam.

3. Effective _____ is essential in building strong relationships.

4. Where is Tom right now? He _____ arrive at the meeting by 3 p.m.

5. I think the _____ thing to do is call and ask for directions.

III. Circling A, B or C to show the underlined parts that need correction and correct them.

0. There are substantial evidence to support the theory.

→ _____ is _____

1. Marry don't mind if anyone borrow her book for a few days.

→ _____

2. Through self-analyse, he discovered his strengths and weaknesses.

→ _____

3. She tried to concentrate in reading her book but couldn't.

→ _____

4. The campaign will appear across all communicate channels.

→ _____

5. She never achieved her ambitious of becoming a famous writer.

→ _____

CAMBRIDGE PRACTICE

*Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Các con mở link nghe sau bằng máy tính:

<https://youtu.be/7kMgi4p3xL4?t=1847>

(Từ 30p47s đến 36p28s)

You will hear three people discussing a film they have just seen at the cinema (Wendy, Mrs Turner and Adrian). For questions 24-30, choose the best answer A, B or C.

- | | |
|---|---|
| <p>24 What did Wendy's mum think of the film?</p> <p>A. It was not her favourite film.</p> <p>B. She loved the film.</p> <p>C. She absolutely hated it.</p> | <p>28 What do Wendy and her mum disagree about?</p> <p>A. whether or not the film was frightening</p> <p>B. whether or not Wendy covered her eyes</p> <p>C. whether or not the film is P.G. rated.</p> |
| <p>25 Adrian mentions doing a course in order to show that</p> <p>A. he wants to change the subject.</p> <p>B. Mrs Turner is wrong about the dinosaurs.</p> <p>C. he knows what he is talking about.</p> | <p>29 What is it suggested that they do now that the movie has ended?</p> <p>A. to go straight home</p> <p>B. to go for a drink</p> <p>C. to go for dinner</p> |
| <p>26 Adrian feels that watching a film at home</p> <p>A. is always better than going to the cinema.</p> <p>B. is not something he wants to do again.</p> <p>C. has advantages and disadvantages.</p> | <p>30 Adrian doesn't let Mrs Turner drive because</p> <p>A. he enjoys driving.</p> <p>B. she will drink alcohol.</p> <p>C. they could get in trouble.</p> |
| <p>27 When Adrian suggests that Wendy was frightened, she</p> <p>A. admits that she felt scared.</p> <p>B. denies that she felt scared.</p> <p>C. complains about the length of the film.</p> | |

Các con mở link nghe sau bằng máy tính:
<https://youtu.be/7kMgi4p3xL4?t=5791>
(Từ 1h36p31s đến 1h44p)

Listen to these two friends discussing the British national lottery. For questions 24-30, choose the best answer A, B or C.

- | | |
|---|---|
| <p>24. How does the man feel about the lottery?</p> <p>A. It is silly but entertaining.</p> <p>B. There is nothing good about it.</p> <p>C. It is particularly bad for young people.</p> | <p>28. How often has Barry played the lottery?</p> <p>A. never</p> <p>B. one time only</p> <p>C. once in a while</p> |
| <p>25. Who can play the national lottery?</p> <p>A. anyone older than 18</p> <p>B. only 20 million people</p> <p>C. anyone</p> | <p>29. What does Barry's dad's saying mean?</p> <p>A. Work for your money.</p> <p>B. Try to win the lottery.</p> <p>C. It is difficult to win the lottery.</p> |
| <p>26. Why was this week special for Tina?</p> <p>A. She felt lucky.</p> <p>B. She went to Camelot.</p> <p>C. She had money to spend.</p> | <p>30. What is Tina going to do next week?</p> <p>A. buy a lottery ticket</p> <p>B. work overtime</p> <p>C. not buy a lottery ticket</p> |
| <p>27. What does Tina think the lottery company does with the money it makes?</p> <p>A. they keep it</p> <p>B. they don't make any money</p> <p>C. they give it to charity</p> | |